

Số: /2015/TT-BTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

**DỰ THẢO I**

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp**

*Căn cứ Luật Thống kê năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Nghị định số 03/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;*

*Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này hướng dẫn về chế độ báo cáo thống kê; điều tra thống kê; công bố, phổ biến và sử dụng thông tin thống kê; kiểm tra việc thực hiện công tác thống kê của Ngành Tư pháp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp theo quy định của pháp luật.

2. Hoạt động thống kê thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này được tiến hành trong các lĩnh vực sau:

- a) Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;
- b) Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật;
- c) Rà soát văn bản quy phạm pháp luật;
- d) Kiểm soát thủ tục hành chính;
- đ) Phổ biến, giáo dục pháp luật;
- e) Hòa giải ở cơ sở;
- g) Hộ tịch;
- h) Quốc tịch;
- i) Chứng thực;

- k) Lý lịch tư pháp;
- l) Nuôi con nuôi;
- m) Trợ giúp pháp lý;
- n) Đăng ký giao dịch bảo đảm;
- o) Luật sư;
- p) Công chứng;
- q) Giám định tư pháp;
- r) Bán đấu giá tài sản;
- s) Trọng tài thương mại;
- t) Tương trợ tư pháp.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các tổ chức thuộc và trực thuộc Bộ Tư pháp (sau đây gọi chung là các đơn vị thuộc Bộ);
2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
3. Sở Tư pháp và các cơ quan chuyên môn khác có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
4. Phòng Tư pháp và các cơ quan chuyên môn khác có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;
5. Ủy ban nhân dân cấp xã;
6. Các tổ chức hành nghề luật sư, công chứng;
7. Các tổ chức bán đấu giá tài sản, giám định tư pháp;
8. Các tổ chức đăng ký giao dịch bảo đảm;
9. Các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý;
10. Các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự hoặc cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi chung là cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài);
11. Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

## **Điều 3. Thông tin thống kê**

1. Thông tin thống kê Ngành Tư pháp bao gồm số liệu thống kê và bản phân tích các số liệu đó, được thu thập để phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành và hoạch định chính sách của Bộ Tư pháp; phục vụ việc thu thập, tổng hợp số liệu trên cơ sở Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia thuộc trách nhiệm thực hiện của Bộ Tư pháp và góp phần phục vụ các nhu cầu của xã hội theo quy định của pháp luật.
2. Thông tin thống kê Ngành Tư pháp được thu thập bằng các hình thức sau:
  - a) Báo cáo thống kê;
  - b) Điều tra thống kê;
  - c) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

3. Báo cáo thống kê gồm báo cáo thống kê định kỳ và báo cáo thống kê đột xuất; Điều tra thống kê gồm điều tra theo kế hoạch và điều tra đột xuất.

## **Chương II**

### **CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ**

#### **Điều 4. Về thể thức báo cáo thống kê**

1. Báo cáo thống kê của Ngành Tư pháp thực hiện chủ yếu dưới dạng biểu mẫu báo cáo thống kê, gồm các thông tin cụ thể về tên biểu báo cáo thống kê; tên cơ quan, tổ chức thực hiện báo cáo và nhận báo cáo (sau đây gọi là đơn vị báo cáo và đơn vị nhận báo cáo); kỳ báo cáo; nội dung báo cáo; đơn vị tính; ngày tháng năm thực hiện báo cáo; họ tên, chữ ký của người lập biểu báo cáo, người kiểm tra biểu; họ tên, chữ ký của thủ trưởng cơ quan, tổ chức báo cáo, đóng dấu theo quy định và các nội dung khác có liên quan.

2. Trường hợp cần làm rõ hơn các thông tin có liên quan đến số liệu nêu trong các báo cáo thống kê và các thông tin khác có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê quy định tại Thông tư này, đơn vị báo cáo có thể bổ sung thêm phần thuyết minh (chú thích) theo một hoặc kết hợp các hình thức sau:

a) Ghi trực tiếp tại vị trí cuối cùng bên ngoài khung biểu mẫu báo cáo thống kê, phía trên của phần chữ ký nêu tại khoản 1 Điều này (trong trường hợp nội dung chú thích không nhiều);

b) Thể hiện dưới hình thức Công văn (theo mẫu chi tiết quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này).

#### **Điều 5. Hình thức báo cáo**

Báo cáo thống kê được thực hiện bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử.

1. Báo cáo bằng văn bản giấy phải có chữ ký, đóng dấu xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo và gửi về Bộ Tư pháp theo đường bưu điện, gửi trực tiếp *hoặc gửi bản scan (dạng đuôi .pdf)* vào *hòm thư điện tử*.

2. Báo cáo bằng văn bản điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 6. Báo cáo thống kê định kỳ**

##### **1. Kỳ báo cáo**

Báo cáo thống kê định kỳ được lập hàng năm theo định kỳ 6 tháng và 01 năm theo Hệ thống biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

*Kỳ báo cáo thống kê 6 tháng được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm.*

*Kỳ báo cáo thống kê 01 năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm.*

##### **a) Kỳ báo cáo thống kê 6 tháng**

i) Các đối tượng thuộc khoản 1, 2, 10 Điều 2 Thông tư này báo cáo số liệu thống kê thực hiện trong kỳ.

ii) Các đối tượng thuộc khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11 Điều 2 Thông tư này báo cáo số liệu thống kê thực tế và số liệu thống kê ước tính.

Số liệu thống kê thực tế được lấy từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 5 hàng năm (ngày chốt số liệu thực tế); số liệu thống kê ước tính được lấy từ ngày 01 tháng 6 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm.

b) Kỳ báo cáo thống kê 01 năm

i) Các đối tượng thuộc khoản 1, 2, 10 Điều 2 Thông tư này báo cáo số liệu thống kê chính thức được thực hiện trong kỳ.

ii) Các đối tượng thuộc khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11 Điều 2 Thông tư này thực hiện báo cáo hai lần trong kỳ báo cáo 01 năm, bao gồm:

- Báo cáo năm lần một: Thời điểm lấy số liệu thống kê được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm, gồm số liệu thống kê thực tế và số liệu thống kê ước tính.

Số liệu thống kê thực tế được lấy từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 10 hàng năm (ngày chốt số liệu thực tế); số liệu thống kê ước tính được lấy từ ngày 01 tháng 11 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Báo cáo năm chính thức: Thời điểm lấy số liệu thống kê được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm (ngày chốt số liệu thực tế).

2. Thời hạn báo cáo

a) Thời hạn nhận báo cáo thống kê định kỳ của mỗi cấp báo cáo được quy định cụ thể tại góc trên cùng, bên trái của từng biểu mẫu báo cáo thống kê.

b) Thời hạn nhận báo cáo thống kê của Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính) như sau:

i) Đối với các đối tượng thuộc khoản 1, 2, 10 Điều 2 Thông tư này:

Báo cáo thống kê 6 tháng: chậm nhất là ngày 07 tháng 7 hàng năm;

Báo cáo thống kê chính thức: chậm nhất là ngày 07 tháng 01 của năm sau năm báo cáo;

ii) Đối với các đối tượng thuộc khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11 Điều 2 Thông tư này:

Báo cáo thống kê 6 tháng: chậm nhất là ngày 25 tháng 6 hàng năm;

Báo cáo thống kê năm lần một: chậm nhất là ngày 02 tháng 12 hàng năm;

Báo cáo thống kê năm chính thức: chậm nhất là ngày 15 tháng 3 của năm sau năm báo cáo.

iii) Đối với lĩnh vực kiểm soát thủ tục hành chính:

Báo cáo thống kê 6 tháng: chậm nhất là ngày 05 tháng 7 hàng năm;

Báo cáo thống kê năm lần một: chậm nhất là ngày 14 tháng 12 hàng năm;

Báo cáo thống kê năm chính thức: chậm nhất là ngày 25 tháng 3 hàng năm.

c) Trường hợp thời hạn báo cáo thống kê nói trên trùng vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời hạn nhận báo cáo thống kê định kỳ được tính vào ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ đó.

### 3. Ước tính số liệu thống kê

a) Việc ước tính số liệu thống kê được thực hiện trong kỳ báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần một *đối với các đối tượng thuộc khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11 Điều 2 Thông tư này để phục vụ hoạt động sơ kết và tổng kết công tác tư pháp.*

b) Phương pháp ước tính số liệu thống kê được thực hiện theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

### 4. Phạm vi nội dung báo cáo

a) Trên cơ sở quy định về chế độ báo cáo thống kê định kỳ và hệ thống biểu mẫu kèm theo Thông tư này, căn cứ vào nhu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành, *trong trường hợp cần thiết*, Bộ Tư pháp sẽ có văn bản hướng dẫn cụ thể về phạm vi nội dung báo cáo thống kê định kỳ 6 tháng, báo cáo năm lần một để phục vụ hoạt động sơ kết, tổng kết công tác Tư pháp.

b) Phạm vi báo cáo năm chính thức được thực hiện đầy đủ theo biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

## **Điều 7. Báo cáo thống kê đột xuất**

1. Báo cáo thống kê đột xuất được thực hiện để giúp Bộ Tư pháp thu thập, tổng hợp các thông tin ngoài các thông tin thống kê được thu thập, tổng hợp theo chế độ báo cáo thống kê định kỳ được quy định tại Thông tư này.

2. Báo cáo thống kê đột xuất được thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản có chữ ký của Lãnh đạo Bộ Tư pháp.

Kết cấu, nội dung, phương thức, kỳ hạn báo cáo, thời điểm lấy số liệu, thời hạn báo cáo thống kê đột xuất, nơi nhận báo cáo và các nội dung khác có liên quan được quy định tại văn bản của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu báo cáo.

## **Điều 8. Phạm vi thống kê, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức thực hiện báo cáo và nhận báo cáo**

### 1. Phạm vi thống kê

Cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, tiến hành thu thập, tổng hợp thông tin thống kê từ *chứng từ và sổ ghi chép dữ liệu ban đầu*, từ các báo cáo thống kê của đơn vị cấp dưới, kết quả của các cuộc điều tra thống kê và nguồn thông tin chính thức của các cơ quan, tổ chức khác có liên quan theo quy định của pháp luật và Thông tư này để phục vụ quản lý Ngành và phục vụ việc thu thập, tổng hợp số liệu thống kê thuộc chỉ tiêu thống kê quốc gia được giao theo quy định của pháp luật.

### 2. Trách nhiệm của đơn vị báo cáo

a) Ghi chép, tổng hợp số liệu, lập và nộp báo cáo trung thực, chính xác, đầy đủ, đúng hạn, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Thông tư này; chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung báo cáo;

b) Tự kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thống kê đối với các thông tin thống kê thuộc thẩm quyền để kịp thời đính chính, bổ sung, điều chỉnh những thông tin còn sai sót, còn thiếu và chưa chính xác trong báo cáo thống kê. Chỉnh lý hoặc bổ sung các thông tin cần thiết có liên quan đến báo cáo thống kê khi có yêu cầu của đơn vị nhận báo cáo.

Thủ trưởng của đơn vị báo cáo có trách nhiệm phân công người kiểm tra biểu mẫu thống kê để thực hiện việc tự kiểm tra về thể thức và nội dung báo cáo thống kê trước khi ký báo cáo gửi cấp có thẩm quyền.

c) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật thống kê và quy định tại Thông tư này.

### 3. Trách nhiệm của đơn vị nhận báo cáo

a) Kiểm tra, đối chiếu, xử lý và tổng hợp thông tin thống kê từ các báo cáo thống kê nhận được theo thẩm quyền để xây dựng báo cáo thống kê của cấp mình.

b) Kịp thời yêu cầu cơ quan thực hiện báo cáo thống kê đính chính, bổ sung, điều chỉnh những thông tin còn sai sót, còn thiếu hoặc cần xác định lại tính chính xác trong nội dung báo cáo thống kê.

c) Trong trường hợp cần thiết, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tiến hành đối chiếu thông tin thống kê nhận được hoặc căn cứ vào các nguồn thông tin chính thức khác có được theo thẩm quyền quản lý nhà nước để bổ sung, chỉnh lý số liệu thống kê thu thập được nhằm bảo đảm tính chính xác, toàn diện, trung thực, khách quan của thông tin thống kê thuộc trách nhiệm tổng hợp của cơ quan, tổ chức mình.

d) Nộp báo cáo thống kê tổng hợp đúng hạn cho các cấp sử dụng thông tin thống kê theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về thống kê và quy định tại Thông tư này.

## **Điều 9. Chỉnh lý, bổ sung thông tin thống kê**

1. Việc chỉnh lý, bổ sung thông tin thống kê được áp dụng trong trường hợp số liệu thống kê trong báo cáo thống kê bằng văn bản còn thiếu hoặc chưa đảm bảo tính chính xác, hợp lý.

2. Việc chỉnh lý, bổ sung báo cáo thống kê được thực hiện bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử quy định tại khoản 1 và 2 Điều 5 của Thông tư này, trong đó ghi rõ thời gian lập báo cáo và có chữ ký, đóng dấu của Thủ trưởng đơn vị nơi lập báo cáo thống kê.

3. Trường hợp đơn vị báo cáo không tiến hành hoặc không kịp điều chỉnh, bổ sung thông tin thống kê theo yêu cầu của đơn vị nhận báo cáo thì phần thông tin đó trên báo cáo thống kê tổng hợp chung được để trống và phải được ghi chú rõ trong báo cáo của đơn vị nhận báo cáo.

## **Điều 10. Kiểm tra việc thực hiện công tác thống kê**

### 1. Phạm vi nội dung kiểm tra

- a) Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về thống kê;
- b) Kiểm tra việc thực hiện các chế độ báo cáo thống kê;
- c) Kiểm tra các nội dung khác liên quan đến quản lý công tác thống kê thuộc phạm vi được giao.

## 2. Hình thức kiểm tra

- a) Kiểm tra định kỳ;
- b) Kiểm tra đột xuất.

3. Việc kiểm tra định kỳ công tác thống kê được thực hiện trên cơ sở kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dưới hình thức một kế hoạch độc lập hoặc được lồng ghép trong kế hoạch kiểm tra công tác tư pháp của cơ quan, tổ chức và kế hoạch này phải được thông báo trước cho cơ quan, tổ chức được kiểm tra ít nhất 15 ngày trước khi tiến hành kiểm tra.

4. Kiểm tra đột xuất công tác thống kê được thực hiện trên cơ sở quyết định của cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào nhu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan, tổ chức đó.

## **Điều 11. Trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, tổng hợp, phân tích báo cáo thống kê của Bộ Tư pháp**

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Tư pháp là đầu mối trong việc tiếp nhận báo cáo thống kê gửi về Bộ Tư pháp theo quy định tại Thông tư này, có trách nhiệm:

a) Đôn đốc các đơn vị gửi báo cáo thống kê về Bộ Tư pháp theo thời hạn báo cáo quy định tại *Điều 6* của Thông tư này;

b) Phân loại đầy đủ và kịp thời chuyển báo cáo thống kê đến các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp;

c) Đôn đốc, kiểm tra kết quả xử lý báo cáo thống kê do các đơn vị thuộc Bộ gửi đến;

d) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo quy định tại *Điều 6* của Thông tư này; phân tích, tổng hợp các thông tin thống kê chủ yếu để phục vụ kịp thời cho hoạt động sơ kết, tổng kết công tác hàng năm của Ngành;

đ) Tổ chức xây dựng báo cáo thống kê của Bộ Tư pháp và gửi đến Tổng cục Thống kê theo quy định của pháp luật.

## 2. Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tổng hợp, phân tích báo cáo thống kê để phục vụ hoạt động quản lý thường xuyên của Ngành theo phạm vi lĩnh vực quy định và gửi kết quả xử lý, tổng hợp thông tin thống kê đầy đủ, chính xác và kịp thời đến Vụ Kế hoạch - Tài chính;

b) Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ trong việc tổng hợp thông tin thống kê phục vụ cho hoạt động chỉ đạo, điều hành, sơ kết, tổng kết công tác tư pháp, xây dựng các báo cáo thống kê chung của Bộ.

## **CHƯƠNG III**

### **ĐIỀU TRA THỐNG KÊ**

#### **Điều 12. Phạm vi điều tra thống kê và thẩm quyền quyết định điều tra thống kê**

1. Điều tra thống kê của Ngành Tư pháp được thực hiện để thu thập thông tin thống kê trong các trường hợp sau:

a) Bộ Tư pháp được phân công tiến hành các cuộc điều tra thuộc chương trình điều tra thống kê quốc gia;

b) Điều tra thống kê để thu thập thông tin về các chỉ tiêu phục vụ yêu cầu quản lý của Bộ, Ngành Tư pháp nhưng chưa có trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

c) Điều tra thống kê để bổ sung thông tin từ các tổ chức có thực hiện chế độ báo cáo thống kê;

d) Điều tra thống kê để thu thập các thông tin thống kê khi có nhu cầu đột xuất.

2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định các cuộc điều tra thống kê quy định tại khoản 1 Điều này.

#### **Điều 13. Điều tra thống kê theo kế hoạch**

1. Điều tra thống kê theo kế hoạch là hình thức thu thập thông tin thống kê theo phương án điều tra đã được lập kế hoạch từ trước, được Bộ trưởng Bộ Tư pháp hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trên cơ sở yêu cầu công tác hàng năm, các đơn vị thuộc Bộ đề xuất kế hoạch điều tra thống kê trong năm và hàng năm gửi về Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp, lập kế hoạch điều tra thống kê chung của Bộ, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

3. Kế hoạch điều tra thống kê của các đơn vị được lập gồm các nội dung cơ bản sau: Tên các cuộc điều tra, nội dung điều tra, phương pháp điều tra, thời kỳ, thời điểm tiến hành điều tra, cơ quan tiến hành điều tra (cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp) và dự toán kinh phí đảm bảo thực hiện.

Hàng năm, Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ xây dựng kế hoạch điều tra thống kê.

#### **Điều 14. Điều tra thống kê đột xuất**

1. Điều tra thống kê đột xuất là hoạt động thu thập thông tin thống kê bằng hình thức điều tra không nằm trong kế hoạch điều tra thống kê hàng năm của Bộ Tư pháp.

2. Theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền hoặc căn cứ vào nhu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định việc tiến hành điều tra thống kê đột xuất và phân công đơn vị thuộc Bộ chủ trì thực hiện điều tra thống kê.

3. Đơn vị được phân công thực hiện điều tra thống kê đột xuất xây dựng kế hoạch và phương án điều tra thống kê theo quy định tại khoản 3 Điều 13 và



*Điều 15* của Thông tư này, đồng thời triển khai điều tra thống kê sau khi kế hoạch và phương án điều tra thống kê được phê duyệt.

### **Điều 15. Lập phương án điều tra thống kê**

1. Mỗi cuộc điều tra thống kê trong Ngành Tư pháp phải có phương án điều tra thống kê do Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt.

2. Phương án điều tra thống kê do các đơn vị thuộc Bộ chủ trì xây dựng phải đảm bảo đầy đủ các nội dung của phương án điều tra thống kê quy định tại khoản *Điều Luật Thống kê năm 2015* và gửi tới Vụ Kế hoạch - Tài chính lấy ý kiến góp ý về chuyên môn thống kê.

Trong thời gian 05 ngày sau khi nhận được văn bản góp ý của Vụ Kế hoạch - Tài chính, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm hoàn thiện phương án điều tra thống kê và gửi về Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp, gửi Tổng cục Thống kê để có ý kiến thẩm định về chuyên môn trước khi trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt.

### **Điều 16. Tổ chức hoạt động điều tra thống kê**

Các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, địa phương có liên quan tổ chức triển khai hoạt động điều tra thống kê sau khi phương án điều tra thống kê nêu tại *Điều 15* của Thông tư này được phê duyệt; kết quả điều tra thống kê phải được gửi về Vụ Kế hoạch - Tài chính để theo dõi chung và tổng hợp vào sản phẩm thông tin thống kê của Ngành Tư pháp.

Việc tổ chức hoạt động điều tra thống kê, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan tiến hành điều tra, người thực hiện điều tra thống kê và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được điều tra thống kê được thực hiện theo quy định của Luật Thống kê và các văn bản khác quy định về thống kê.

## **Chương IV**

### **PHÂN TÍCH, DỰ BÁO, CÔNG BỐ, PHỔ BIẾN, SỬ DỤNG THÔNG TIN THỐNG KÊ VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÔNG TÁC THỐNG KÊ NGÀNH TƯ PHÁP**

### **Điều 17. Công bố phổ biến thông tin thống kê**

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định việc công bố thông tin thống kê thuộc phạm vi quản lý nhà nước đối với công tác Tư pháp trên cơ sở Lịch công bố, phổ biến thông tin thống kê của Bộ đã được phê duyệt và quy định tại Thông tư này. *Không công bố các thông tin thống kê của Ngành thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, những thông tin thống kê có trong các tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước độ tối mật và độ mật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp theo quy định của pháp luật.*

*Tùy vào thời điểm công bố và tính chất mức độ thông tin thống kê được công bố, số liệu thống kê của ngành Tư pháp được công bố gồm mức độ số liệu*

*thống kê ước tính, số liệu thống kê sơ bộ, số liệu thống kê chính thức hoặc một trong các loại số liệu thuộc mức độ nói trên.*

Thông tin thống kê được công bố là thông tin có giá trị pháp lý, không một tổ chức, cá nhân nào được sửa chữa, thay đổi.

Việc trích dẫn, sử dụng thông tin thống kê của ngành Tư pháp đã được công bố phải trung thực và ghi rõ nguồn gốc của thông tin.

2. Thông tin thống kê của Ngành Tư pháp được công bố, phổ biến thông qua các hình thức: Niên giám thống kê; hợp báo; các sản phẩm thống kê bằng văn bản điện tử đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và các văn bản chính thức khác của Bộ trên cơ sở phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ và các đơn vị khác thuộc Bộ xây dựng lịch phổ biến thông tin thống kê, trình Bộ trưởng ký ban hành trước khi tiến hành công bố, phổ biến thông tin thống kê, hoàn thiện các sản phẩm thống kê để trình Bộ trưởng công bố các thông tin thống kê chung của Ngành Tư pháp theo các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này.

### **Điều 18. Phân tích, dự báo; quản lý, sử dụng thông tin thống kê và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê Ngành Tư pháp**

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ và các đơn vị khác thuộc Bộ thực hiện các hoạt động *phân tích, dự báo thông tin thống kê theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Lãnh đạo Bộ*, tiến hành xây dựng, phân tích, lưu giữ, khai thác các thông tin thống kê chung của Ngành Tư pháp và những hoạt động khác được giao nhằm giúp Bộ trưởng thống nhất quản lý thông tin thống kê của Ngành theo quy định của pháp luật và theo quy định tại Thông tư này.

2 *Cục Công nghệ thông tin có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị có liên quan triển khai đầy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê của Ngành, xây dựng và triển khai phần mềm báo cáo thống kê, tăng cường khai thác số liệu thống kê từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Tư pháp nhằm phục vụ có hiệu quả cho hoạt động quản lý ngành, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.*

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 19. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức việc hướng dẫn nghiệp vụ, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết thực hiện Thông tư này trên phạm vi toàn quốc.

Vụ Kế hoạch - Tài chính thuộc Bộ Tư pháp có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện trách nhiệm nói trên.

2. Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ và thẩm quyền được

giao có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các quy định tại Thông tư này và bố trí các điều kiện đảm bảo thực hiện Thông tư.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan, trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê của Ngành Tư pháp và các hoạt động thống kê khác quy định tại Thông tư này, bảo đảm cung cấp thông tin thống kê đầy đủ, chính xác, trung thực, khách quan, đúng thời hạn quy định.

### **Điều 20. Hiệu lực thi hành**

1. *Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2016. Thông tư này thay thế Thông tư số 20/2013/TT-BTP ngày 03/12/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp*

2. *Đối với những lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tư pháp nhưng hoạt động thống kê số liệu không được điều chỉnh trong Thông tư này thì việc thu thập, tổng hợp số liệu có tính chất thống kê được thực hiện theo quy định chi tiết tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực chuyên ngành đó.*

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Website Chính phủ; Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, KHTC(10).

**BỘ TRƯỞNG**

**Hà Hùng Cường**